

Số: /BC-HĐND

Đồng Tháp, ngày tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát, giám sát tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 53/2011/NQ-HĐND ngày 20/7/2011 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2011-2020

Thực hiện Kế hoạch số 253/KH-HĐND ngày 28/9/2021 của Hội đồng nhân dân (HĐND) Tỉnh về khảo sát, giám sát tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 53/2011/NQ-HĐND ngày 20/7/2011 của HĐND Tỉnh về quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2011-2020. Trong giai đoạn này, Ban Văn hoá - Xã hội (VH-XH) khảo sát, giám sát giai đoạn 2016-2020. Qua khảo sát, giám sát, làm việc trực tiếp với một số UBND cấp huyện, các Sở, ngành liên quan¹ và xem xét báo cáo của UBND cấp huyện², Ban VH-XH HĐND Tỉnh báo cáo kết quả như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI QUÁN TRIỆT

1. Công tác chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện

Thực hiện Nghị quyết của HĐND Tỉnh³, Kết luận số 30-KL/TU ngày 20/10/2016 của Tỉnh uỷ về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, Ủy ban nhân dân (UBND) Tỉnh ban hành các văn bản có liên quan⁴ để triển khai, giao nhiệm vụ cho các ngành, địa phương tổ chức thực hiện; qua đó, từng đơn vị có kế hoạch quy hoạch, nâng cao chất lượng nguồn lực của địa phương, đơn vị mình, đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức (CB, CC, VC), người lao động, đặt chỉ tiêu lao động qua đào tạo vào kế hoạch, chương trình công tác hàng năm đạt nhiều kết quả tích cực.

2. Công tác triển khai, phổ biến đến các cấp, các ngành, đoàn thể và nhân dân địa phương; những chuyển biến và tồn tại

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết đã có nhiều chuyển biến tích cực trong đội ngũ CB, CC, VC, lực lượng lao động xã hội về công tác đào tạo, bồi dưỡng, học nghề; các cấp, các ngành, địa phương quan tâm lãnh, chỉ đạo thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ nghị quyết, gắn với kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm; đã nhận thức được vai trò, trách nhiệm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đưa công tác đào tạo, bồi dưỡng CB, CC, VC, công tác dạy nghề vào chương trình, kế hoạch

¹ Khảo sát và làm việc UBND: thành phố Cao Lãnh, huyện Cao Lãnh, huyện Thanh Bình và các cơ quan chuyên môn cấp huyện có liên quan từ ngày 20-22/10/2021; giám sát và làm việc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công thương, Giao thông vận tải, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư ngày 26/10/2021.

² UBND huyện: Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Lai Vung, Châu Thành, thành phố: Hồng Ngự, Sa Đéc; Ban Văn hoá - Xã hội không nhận được báo cáo của UBND huyện: Lập Vò, Tháp Mười.

³ Nghị quyết số 53/2011/NQ-HĐND ngày 20/7/2011 của HĐND Tỉnh về quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2011-2020.

⁴ Quyết định số 907/QĐ-UBND-HC ngày 06/10/2011; Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 11/4/2012; Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 21/4/2017.

hàng năm; lồng ghép vào các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội; từ đó sự nhận thức của người dân đối với giáo dục - đào tạo và học nghề có nhiều chuyển biến tích cực theo nhu cầu bản thân và thực tế xã hội... Tuy nhiên một số ngành, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; một bộ phận học sinh và cha mẹ học sinh còn có tư tưởng coi nhẹ việc học nghề, chưa thấy hết giá trị của người giỏi nghề nghiệp; còn ngộ nhận rằng duy nhất chỉ có vào đại học mới là con đường thành đạt... tư tưởng chưa đúng đó làm ảnh hưởng đến công tác định hướng, phân luồng, giáo dục nghề nghiệp sau tốt nghiệp THCS.

3. Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực 5 năm (giai đoạn 2016 - 2020) và kế hoạch hàng năm của ngành, địa phương để triển khai thực hiện

Căn cứ mục tiêu và nhu cầu lao động qua đào tạo đã đề ra, các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện theo quy định; định kỳ có đánh giá, xem xét, bổ sung phù hợp tình hình, yêu cầu thực tế từng ngành, địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SO VỚI CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT

1. Khái quát kết quả thực hiện mục tiêu tổng quát đến năm 2020

- Phát triển nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn:

TT	Nội dung	Năm 2009 (%)	Năm 2019 (%)	So sánh (%)
1	Dân số từ 05 tuổi trở lên đang đi học	20,5	20,6	Tăng 0,1
2	Đã thôi học	72,1	76,2	Tăng 4,1
3	Chưa bao giờ đi học	7,4	3,2	Giảm 4,2
4	Dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết	90,6	93,8	Tăng 3,2
5	Dân số từ 15 tuổi trở lên không có trình độ chuyên môn kỹ thuật	94,3	91,4	Giảm 2,9
6	Trình độ sơ cấp	0,2	0,5	Tăng 0,3
7	Trình độ trung cấp	1,6	1,6	Không tăng, giảm
8	Trình độ cao đẳng	1,1	1,6	Tăng 0,5
9	Trình độ đại học trở lên	2,8	4,9	Tăng 2,1

- Xây dựng và chuẩn hoá hệ thống dạy nghề gắn kết chặt chẽ giữa nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nghề: Đến cuối năm 2020, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) có 28 cơ sở⁵, quy mô đào tạo khoảng 21.500 học viên/năm; các cơ sở GDNN có ở tất cả địa bàn cấp huyện; có 07 cơ sở GDNN

⁵ Gồm: 02 Trường cao đẳng, 03 Trường trung cấp, 08 Trung tâm GDNN công lập, 15 cơ sở khác có tham gia hoạt động GDNN.

được đầu tư thiết bị dạy nghề từ dự án đổi mới, phát triển dạy nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn với kinh phí là 24.360 triệu đồng...

- Đội ngũ CB, CC đạt chuẩn hoá về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật về kiến thức pháp luật, đạo đức công vụ, kiến thức kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới từng bước nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

- Hệ thống trường lớp được quy hoạch, sắp xếp phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo Kế hoạch số 89/KH-UBND thực hiện Chương trình hành động số 62-CTr/TU, Nghị quyết số 08/NQ-CP, Nghị quyết số 19-NQ/TW⁶; phù hợp quy mô phát triển dân số; trình độ đào tạo chuẩn của nhà giáo, cán bộ quản lý theo quy định của Luật Giáo dục 2019 cao hơn quy định của Trung ương đến năm 2025.

2. Kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2020

a) Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 58,2% (năm 2016) lên 70% (năm 2020). Trong đó, tỷ lệ qua đào tạo nghề từ 42% (năm 2016) lên 50% (năm 2020)⁷.

- Tỷ lệ sinh viên/vạn dân đạt 98,96%⁸.

- Tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục THPT⁹: Đến cuối năm 2015, các xã, phường thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc huyện đạt chuẩn theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010-2015.

- Đến cuối năm 2020, toàn Tỉnh có 765 cán bộ quản lý và nhà giáo¹⁰. Trong đó: Sau đại học: 236/765 (chiếm 30,8%); đại học: 451/765 (chiếm 59%); cao đẳng, cao đẳng nghề: 24/765 (chiếm 3,1%); trung cấp, trung cấp nghề: 38/765 (chiếm 5%); khác: 16 (chiếm 2,1%). Về cơ bản, đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo được đào tạo đạt chuẩn theo quy định đáp ứng nhu cầu giảng dạy cho học sinh, sinh viên, người học tại các cơ sở GDNN.

- Đội ngũ CB, CC, VC đạt tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định:

TT	CB, CC, VC			
	Cấp tỉnh, huyện	Tỷ lệ	Cấp xã	Tỷ lệ
1	Có trình độ chuyên môn	73%	Có trình độ chuyên môn từ	97,31% CB

⁶ Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 28/3/2018 của UBND Tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 62-CTr/TU ngày 01/3/2018 của BCH Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

⁷ Đã tổ chức tuyển sinh cho 106.785 học viên (cao đẳng: 8.198 học viên, trung cấp: 12.791 học viên, sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng: 85.796 học viên), đạt 100,7% so với kế hoạch.

⁸ Theo Cục Thống kê cung cấp đạt 98,96% = 10.000 dân*15.834 sinh viên/1.600.014 dân số.

⁹ Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ thì Trung ương không quy định phổ cập giáo dục THPT.

¹⁰ Có 526 nhà giáo; 239 cán bộ quản lý, trong đó có 198 cán bộ quản lý tham gia giảng dạy.

	đại học, sau đại học		trung cấp trở lên	100% CC
2	Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch	78%	Có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm	100%
3	Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm	80%		
4	Được cập nhật kiến thức pháp luật, được bồi dưỡng về đạo đức công vụ	90%	Được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp, đạo đức công vụ	74%
5	Được bồi dưỡng cập nhật, kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ	89%	Đảm bảo hàng năm người hoạt động không chuyên trách cấp xã được bồi dưỡng cập nhật và nâng cao kỹ năng, phương pháp hoạt động	

+ Viên chức ngành giáo dục đạt trình độ đào tạo chuẩn theo quy định:

TT	Nội dung	Năm 2015 (%) Luật Giáo dục 2005	So sánh với năm 2010 (%)	Năm 2020 (%) Luật Giáo dục 2019
1	Giáo viên mầm non	99,23	Tăng 10,8	92,63
2	Giáo viên tiểu học	100	Tăng 1,03	75,35
3	Giáo viên THCS	100	Giảm 1,32	88,55
4	Giáo viên THPT	100	Tăng 3,02	100

+ Trình độ chuyên môn viên chức ngành y tế:

TT	Nội dung	Năm 2015 (%)	So sánh với năm 2010 (%)	Năm 2020 (%)	So sánh với năm 2015 (%)
1	Sơ cấp	1,63	Giảm 8,37	0	Giảm 1,63
2	Trung cấp	67,61	Tăng 1,61	35	Giảm 32,61
3	Cao đẳng	2,29	Tăng 0,29	23	Tăng 20,71
4	Đại học trở lên	28,48	Tăng 6,48	42	Tăng 13,52
5	Tỷ lệ bác sỹ (công lập)/vạn dân	6,72	Tăng 1,85	9,0	Tăng 2,22
6	Tỷ lệ dược sỹ (công lập)/vạn dân	0,68	Tăng 0,18	1,28	Tăng 0,6

3. Kết quả thực hiện nhu cầu lao động qua đào tạo, phát triển nhân lực theo lĩnh vực ngành chủ yếu so với chỉ tiêu Nghị quyết¹¹

3.1. Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

¹¹ Xem bảng phụ lục kèm theo và tại báo cáo chi tiết của các Sở.

Ngành Nông nghiệp phối hợp địa phương mở các lớp cập nhật kiến thức cho cán bộ phụ trách, tham gia công tác đào tạo nghề nông nghiệp. Kết quả thực hiện mục tiêu Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2020¹², tổng số lao động nông thôn được đào tạo nghề nông nghiệp (dưới 3 tháng) 9.301 người, có 7.783 người đã học xong và được cấp chứng chỉ, đạt 83,67%, trong đó có việc làm 7.709 người, đạt 99,05%¹³; hầu hết lao động được đào tạo nghề (ngắn hạn) đều có việc làm ổn định. Đây có thể nói là hiệu quả rất tích cực, đáng mừng.

3.2. Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội¹⁴

Mạng lưới giáo dục nghề nghiệp phân bố đều ở các địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo được đầu tư đảm bảo dạy và học (kể cả lý thuyết và thực hành); tỷ lệ lao động qua đào tạo, đào tạo nghề ổn định theo chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Nổi bật nhất là từ năm 2016 đến nay đào tạo lao động làm việc nước ngoài hiệu quả rất cao.

Đã tổ chức tuyển sinh cho 106.785 học viên¹⁵; tỷ lệ học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng ra trường có việc làm đạt khoảng 85%; đối với đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt khoảng 80%; đối với đào tạo lao động theo đặt hàng của doanh nghiệp, chủ yếu các nghề như: chế biến và bảo quản thủy sản, nghề may công nghiệp, sau đào tạo 100% người lao động được bố trí vào làm việc tại doanh nghiệp.

3.3. Ngành Công thương

Có kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn hàng năm, trong đó nổi bật là các ngành nghề phi nông nghiệp; khởi sự doanh nghiệp, đào tạo năng lực quản lý và khởi nghiệp. Đây là nội dung có hiệu quả nhất của đào tạo nguồn nhân lực tỉnh ta trong thời gian qua, thúc đẩy chương trình khởi nghiệp đồng đảo trong quần chúng nhân dân.

3.4. Ngành Giao thông vận tải

Chuyên đào tạo lái xe ô tô, mô tô, lái tàu, đơn vị cung cấp những ngành nghề có nhu cầu lao động trình độ thấp, lao động phổ thông. Đây là những ngành nghề cơ bản của xã hội mà tỷ lệ có việc làm sau đào tạo là ổn định nhất.

3.5. Ngành Giáo dục và Đào tạo

Mạng lưới trường lớp học được đầu tư bao phủ cả tỉnh (trong đó có đầu tư từ ngân sách nhà nước và nguồn xã hội hoá) là điều kiện tiên quyết cho nâng cao chất lượng dạy và học. Sở Giáo dục và Đào tạo tạo mọi điều kiện để giáo viên học tập

¹² Quyết định số 1170/QĐ-UBND.HC ngày 13/12/2010 của UBND Tỉnh phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2011-2020. Chỉ tiêu giai đoạn 2016-2020 tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp cho khoảng 6.000 người, tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau đào tạo đạt ít nhất 85%.

¹³ Trong đó: năm 2016, đào tạo 3.207 người, có việc làm 2.001 người; 2017, đào tạo 1.195 người, có việc làm 1.100 người; 2018, đào tạo 1.545 người, có việc làm 1.490 người; 2019, đào tạo 1.914 người, có việc làm 1.914 người; 2020, đào tạo 1.440 người, có việc làm 1.190 người.

¹⁴ Chi tiết xem Báo cáo số 288/BC-LĐTBXH (phụ lục 04).

¹⁵ Trong đó, cao đẳng: 8.198 học viên, trung cấp: 12.791 học viên, sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng: 85.796 học viên.

nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, chính trị; có nhiều chính sách khuyến khích tự học cho từng đối tượng.

3.6. Ngành Y tế

Đội ngũ cán bộ y tế Tỉnh đã được đào tạo cơ bản đảm bảo về số lượng và trình độ chuyên môn; một số chỉ số về nhân lực y tế đã đạt được ở mức khá cao, bình quân 43,08 cán bộ y tế/1 vạn dân; 100% số Trạm Y tế xã, phường, thị trấn đảm bảo bố trí nhân lực đạt tiêu chuẩn Bộ Y tế quy định.

3.7. Ngành Thông tin và Truyền thông

Phối hợp nhiều địa phương, đơn vị tổ chức phổ cập tin học, phổ cập kiến thức công nghệ thông tin, internet cho nhiều thành phần, nhiều đối tượng; làm bước đệm để chuẩn bị bước vào giai đoạn đầu thực hiện chuyển đổi số ở nhiều lĩnh vực khác nhau, mà người dân là đối tượng quan trọng trong thực hiện Đề án này.

3.8. Ngành Văn hoá - Thể thao và Du lịch

CB, CC, VC tỉnh, huyện, xã thực hiện đạt chỉ tiêu nghị quyết đề ra. Bên cạnh đó, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tổ chức nhiều lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ CC, VC, cộng tác viên ở cơ sở với hàng ngàn lượt tham gia và đồng thời cử nhiều lượt cán bộ tham dự các lớp bồi dưỡng do Trung ương tổ chức¹⁶.

3.9. Đào tạo CB, CC hành chính và CB, CC cấp xã

Đối với CB, CC tỉnh, huyện, xã đạt chuẩn theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Một số chỉ tiêu tuy chưa đạt yêu cầu, tuy nhiên vẫn có chỉ tiêu vượt gần gấp đôi (đào tạo thạc sỹ).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Thực hiện Nghị quyết số 53/2011/NQ-HĐND, UBND Tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện với nhiều nội dung mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể ở mỗi giai đoạn; giao nhiệm vụ cho các Sở, ngành, địa phương cụ thể hoá từng lĩnh vực khác nhau: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020; Sở Y tế ban hành Kế hoạch đào tạo nhân lực y tế giai đoạn 2016-2020; Sở Công thương ban hành Kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020 và từng năm; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011-2020; Sở Nội vụ tham mưu UBND Tỉnh ban hành và thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CB, CC, VC giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 và đào tạo, bồi dưỡng CB, CC cấp xã giai đoạn 2016-2020; Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND Tỉnh ban hành và thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020,...

¹⁶ Lĩnh vực văn hoá: tổ chức 40 lớp đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cơ sở hướng dẫn biên tập, dàn dựng chương trình nghệ thuật, múa cơ bản, dàn dựng múa, hát dân ca và hò Đồng Tháp. Lĩnh vực thể thao: tổ chức 50 lớp tập huấn đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Lĩnh vực du lịch: tổ chức 73 lớp đào tạo kỹ năng, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức.

Ngoài ra, một số Cấp uỷ còn quy định chuẩn về chính trị đối với cán bộ quản lý ngành giáo dục trước khi bổ nhiệm.

- Công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ CB, CC, VC được quan tâm; việc chọn cử đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn quy định; nội dung ngày càng có chiều sâu gắn với vị trí việc làm; rà soát, sửa đổi hoặc bãi bỏ kịp thời những quy định không còn phù hợp thực tế địa phương; ý thức tự giác học tập nâng cao trình độ ngày càng được nâng lên.

- Công tác phối hợp, hợp tác phát triển nhân lực gắn liền việc phát huy vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực; đã gắn kết được đơn vị sử dụng lao động, người lao động và đơn vị đào tạo thông qua các chương trình, kế hoạch liên kết đào tạo 05 năm và hàng năm, mang lại một số kết quả, góp phần đáng kể cho việc phát triển nhân lực của địa phương.

- Công tác đào tạo nghề được cải thiện, tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề liên tục tăng¹⁷, kịp thời đáp ứng ngành nghề có nhu cầu lao động ở trình độ thấp hoặc lao động phổ thông; các cơ sở GDNN triển khai thực hiện chặt chẽ, hiệu quả hơn về nhiệm vụ nâng cao chất lượng đào tạo; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ, góp phần thu hút đông đảo người lao động tham gia học nghề.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc quy hoạch, xác định cơ cấu ngành nghề, xác định cơ cấu lao động ở từng địa phương chưa rõ ràng, lao động qua đào tạo và đào tạo đạt chỉ tiêu nghị quyết nhưng đa phần là đào tạo ngắn hạn; tỷ lệ lao động kỹ thuật ngành nông nghiệp không đủ cung cấp cho các dịch vụ như hợp tác xã, trồng trọt kỹ thuật theo hướng GAP và VietGAP

- Chất lượng đào tạo lao động, cơ cấu theo ngành nghề, lĩnh vực chưa thực sự phù hợp với nhu cầu sử dụng của xã hội, công tác thu thập, công bố thông tin, dự báo nhân lực còn hạn chế nên chưa đảm bảo thông tin cung – cầu lao động; mô hình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa xác định rõ ràng, hợp lý nên một số chuyên ngành tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chưa đạt hiệu quả cao, chưa đáp ứng nhu cầu lao động xã hội.

- Một số ngành nghề truyền thống của địa phương đã giải quyết việc làm cho lao động nhàn rỗi ở nông thôn không nằm trong danh mục quy định nên không thể hướng dẫn hay truyền nghề để phát huy; lực lượng lao động phục vụ lĩnh vực thương mại dịch vụ, du lịch còn nhiều hạn chế...

- Công tác dự báo thị trường lao động, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác đào tạo nghề chưa chặt chẽ, đồng bộ¹⁸; công tác gắn kết giữa các cơ sở GDNN với doanh nghiệp, nhất là trường trung cấp, cao đẳng tuy đã phát hiệu quả trong thời gian qua nhưng chưa thực sự đột phá, bền vững, hiệu quả.

¹⁷ Chủ yếu ở các cơ sở cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng.

¹⁸ Như: trong công tác tuyên truyền, tư vấn lựa chọn ngành nghề, khâu tổ chức và quá trình đào tạo, công tác kiểm tra, giám sát.

- Phần lớn đội ngũ CB, CC, VC được đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn theo quy định; năng lực, nghiệp vụ thường xuyên được trau dồi nhưng có lúc, có nơi chưa được phát huy trong thực thi công vụ.

- Chất lượng giáo dục vẫn còn một số hạn chế: Tỷ lệ huy động trẻ mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo) chưa đạt; tỷ lệ bỏ học ở cấp tiểu học tăng; trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo, cán bộ quản lý tăng so với năm 2016 nhưng theo quy định của Luật Giáo dục 2019, số giáo viên, cán bộ quản lý ngành học mầm non và cấp tiểu học chưa đạt chuẩn còn nhiều. Hiện nay biên chế giáo viên môn Tin học, Tiếng Anh thiếu hụt nhiều ở các địa phương chưa tuyển chọn được (huyện Thanh Bình, thành phố Cao Lãnh...).

- Nguồn lực y, bác sĩ ở các Trạm Y tế, Phòng Y tế, Trung tâm Y tế, Bệnh viện các huyện luôn biến động sau khi được đào tạo chuyên khoa, đa khoa cũng là nguyên nhân quá tải trong việc thăm khám, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong thời gian qua.

- Mặc bằng dân trí của Tỉnh ở mức trung bình, phần lớn tâm lý của người lao động hiện nay là học nghề ngắn hạn, có việc làm ngay, chưa quan tâm đến việc lao động có tay nghề cũng là hạn chế nhất định trong thực hiện nghị quyết đề ra.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Tỉnh trong giai đoạn tiếp theo, Ban Văn hoá - Xã hội kiến nghị UBND Tỉnh quan tâm một số nội dung sau:

- Trong xu thế hiện nay, nguồn nhân lực chất lượng cao là giải pháp tiên quyết hàng đầu trong việc phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà. Với đặc thù tỉnh ta nông nghiệp chiếm 70%, do đó nhân lực phục vụ cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao là xu thế tất yếu; quan tâm chuyển dịch lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực thương mại, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; đặc biệt là lực lượng lao động kỹ thuật nông nghiệp.

- Cần đánh giá khách quan thiết thực để xác định được nhu cầu đào tạo lao động xã hội; đảm bảo gắn kết nhu cầu đào tạo, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo để nguồn lực sau khi đào tạo được cung ứng một cách có hiệu quả nhất.

- Lựa chọn, xác định cơ cấu ngành nghề để đào tạo phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho lao động là cần thiết. Cần xác định thị trường lao động (cung - cầu lao động) và dự báo ngành, nghề để đào tạo phù hợp với ngành mình, địa phương, đơn vị, phục vụ nhu cầu xã hội; phát huy đào tạo theo địa chỉ, đặt hàng (hiện nay một số địa phương cấp huyện, ngành giáo dục không tuyển dụng được giáo viên ở một số vị trí do không có hồ sơ nộp dự tuyển theo quy định, đồng thời ngành y tế cũng thiếu hụt nguồn nhân lực y tế). Đào tạo lao động phù hợp các ngành nghề để phục vụ các đề án của Tỉnh như: phát triển du lịch, thương mại dịch vụ (nhà hàng, khách sạn...).

- Xem xét tình trạng hiện nay một số ngành nghề đào tạo phục vụ theo nhu cầu thực tế của địa phương lại vướng quy định ràng buộc, ngành nghề địa phương có nhu cầu lại không nằm trong danh mục quy định của Sở Lao động - Thương

binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cũng như những ngành nghề truyền thống của địa phương.

- Việc thực thi công vụ trong nền hành chính của đội ngũ CB, CC giai đoạn qua được đào tạo chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, chính trị nhưng vẫn còn những vấn đề cần quan tâm, cần thay đổi nhận thức và hành động.

- Khẳng định chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số, do đó cần đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng chuyển đổi số, công nghệ số cho lực lượng lao động, đội ngũ CB, CC, VC.

- Có chính sách khuyến khích để thu hút nguồn lực chất lượng cao ở lĩnh vực giáo dục, y tế, công nghệ số,... đầu tư, nuôi dưỡng nguồn nhân lực (sinh viên tỉnh nhà) sau khi học tập ở những địa phương khác sẽ về phục vụ cho tỉnh nhà; có cơ chế khuyến khích động viên những cán bộ giỏi, có trình độ chuyên môn cao để họ yên tâm công tác lâu dài và tâm huyết phục vụ; quy định cơ chế chặt chẽ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm tránh tình trạng “chảy máu chất xám” và quy định chế tài ràng buộc, nghiêm ngặt hơn để xử lý CB, CC, VC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng không thực hiện đúng cam kết hợp đồng.

- Tổ chức tổng kết Nghị quyết số 53/2011/NQ-HĐND để đánh giá kết quả đạt được, từ đó có cơ sở bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp trong giai đoạn tiếp theo. Khi ban hành nghị quyết giai đoạn tới cần nghiên cứu cân nhắc: dự báo, định hướng lao động chất lượng cao góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

- Xem xét giải quyết kiến nghị của các Sở, ngành, UBND cấp huyện theo phụ lục đính kèm.

- UBND Tỉnh kiến nghị Bộ Nội vụ xem xét không thực hiện lộ trình giảm biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục và sự nghiệp y tế để đảm bảo số lượng viên chức y tế/giường bệnh, giáo viên/lớp theo quy định; xem xét lại tỷ lệ 10% đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính theo hướng không áp dụng tỷ lệ này đối với các cơ sở giáo dục vì đa số do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên chiếm tỷ lệ lớn.

Nơi nhận:

- TT/TU, HĐND, UBND, BTTUBMTTQVN Tỉnh;
- Lãnh đạo các Ban HĐND Tỉnh;
- Đại biểu HĐND Tỉnh (qua email);
- Các Sở: GD&ĐT, NN&PTNT, LĐ-TB&XH, CT, GTVT, YT, TT&TT, VH-TT&DL, NV, KH&ĐT;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- TT/HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐND. Đề.

**TM. BAN VĂN HOÁ - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**

Đoàn Duy Thuỳ Ngạn

BẢNG PHỤ LỤC*(Kèm theo Báo cáo số 308/BC-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND Tỉnh)***1. Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn****1.1. Đào tạo đội ngũ nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp**

TT	Đào tạo cán bộ quản lý chuyên môn kỹ thuật	Trình độ				Ghi chú
		Đại học, sau đại học		Lý luận luận chính trị		
		Đại học	Sau đại học (Ths, TS)	Trung cấp	Cao cấp	
1	Giai đoạn 2016-2020		07	39	13	
2	Cuối năm 2020	59	30			Gần đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra

TT	Đào tạo cán bộ chuyên môn kỹ thuật	Trình độ				Ghi chú
		Sau đại học (Ths, TS)	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	
1	Giai đoạn 2016-2020	27	45		03	
2	Cuối năm 2020	21	193	04	11	Chưa qua đào tạo 02

TT	Bồi dưỡng	Số lượng	Ghi chú
1	Chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên quản lý chuyên ngành	171	
2	Kiến thức Quốc phòng - An ninh	24	
3	Chức danh lãnh đạo	84	Trong đó có 05 cấp Sở
4	Chuyên môn học tập kinh nghiệm ở nước ngoài	25	Thú y: 10, Khuyến nông và BVTV: 13, PTNT: 02

1.2. Kết quả đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn¹⁹

TT	Nội dung	Số lượng		Tỷ lệ (%)	Ghi chú
		Đào tạo	Có việc làm		
	Lao động nông thôn được đào tạo nghề nông nghiệp (đào tạo dưới 3 tháng) giai đoạn 2016-2020	9301	7709	99,05	Vượt chỉ tiêu

2. Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Lao động qua đào tạo, có việc làm giai đoạn 2016-2020	Trình độ			Ghi chú
		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng	
1	Tuyển sinh 106.785 người	8.198	12.791	85.796	

¹⁹ Thực hiện Quyết định số 1170/QĐ-UBND.HC ngày 13/12/2010 của UBND Tỉnh phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011-2020. Chỉ tiêu giai đoạn 2016-2020 tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp cho khoảng 6.000 người, tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau đào tạo đạt ít nhất 85%.

2	Tỷ lệ HS-SV học trung cấp, cao đẳng ra trường có việc làm đạt khoảng 85%
3	Tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau đào tạo nghề đạt khoảng 80%
4	Tỷ lệ lao động sau đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp được bố trí vào làm việc tại doanh nghiệp 100% ²⁰ .

3.3. Ngành Công thương

TT	Nội dung	Số lớp	Số người	Ghi chú
1	Dạy nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn (ngắn hạn dưới 03 tháng) ²¹	28	975	Kinh phí 521 triệu đồng
2	Khởi sự doanh nghiệp	28	740	
3	hội thảo, tập huấn theo chuyên đề	11	935	
4	Bồi dưỡng kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế (WTO)	13	2.018	Kinh phí 941 triệu đồng

Cộng	Đào tạo, bồi dưỡng CB, CC giai đoạn 2016-2020								Ghi chú
	Đại học, sau đại học		Lý luận chính trị		Bồi dưỡng				
	Đại học	Sau đại học	Cao cấp	Trung cấp	Quản lý nhà nước	Kỹ năng chuyên ngành VTVL	Kỹ năng LDQL	Kiến thức QP-AN	
263	03	04	02	12	25	174	28	15	

3.4. Ngành Giao thông vận tải

TT	Đào tạo giai đoạn 2016-2020					Ghi chú
Cộng	Khối xây dựng cơ bản					
	Nghề ngắn hạn và sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau đại học	
4.786 người	3.915	432	322	117		
Cộng	Khối vận tải					
13.954 người	11.211	943	538	326		
Cộng	Khối quản lý nhà nước					
250 người		106	25	105	14	

Cộng	Đào tạo, bồi dưỡng CB, CC giai đoạn 2016-2020							Ghi chú
	Đại học	Sau đại học	Lý luận chính trị		Bồi dưỡng			
			Cao cấp	Trung cấp	QLNN	Kỹ năng LDQL	Kiến thức QP-AN	

²⁰ Chủ yếu nghề: Chế biến và bảo quản thủy sản, nghề May công nghiệp.

²¹ Từ năm 2017 đến nay Sở không còn phụ trách dạy nghề cho lao động nông thôn.

107 người	3	4	5	16	22	31	26	
--------------	---	---	---	----	----	----	----	--

3.5. Ngành Giáo dục và Đào tạo

TT	Đào tạo, bồi dưỡng CB, CC, VC giai đoạn 2016-2020							Ghi chú
	Sau đại học	QLNN	LĐ cấp sở	LĐ cấp phòng	Quốc phòng-An ninh	Lý luận chính trị (cao cấp, trung cấp)	Chuyên viên	
	59	21	04	25	28	58	288	Văn bản 2: 85 người

TT	Trong đó						Ghi chú
Cộng	Đào tạo, bồi dưỡng CBQLGD các cấp học						
	Trên chuẩn/Sau đại học	Đạt chuẩn/Đại học	Trình độ lý luận chính trị		Trình độ QLGD		
			Cử nhân, cao cấp	Trung cấp	Thạc sỹ	Bồi dưỡng	
1.499 người	1.426	73	37	1.016	50	1.305	
Cộng	Đào tạo, bồi dưỡng CBQLGD Sở, Phòng GD						
160 người	49	101	29	69	27	49	Dưới ĐH: 10
Cộng	Đào tạo, bồi dưỡng GV các cấp học						
16.938 người	13.866	3.072	17	613	18	928	

TT	Phối hợp đào tạo giáo viên tại các cơ sở đào tạo ²²	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
1	Mầm non	416	1.857	
2	Tiểu học	65	2.043	
3	Trung học cơ sở	180	743	
4	Trung học phổ thông	118	794	
5	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	20	0	
	Cộng	800	5.437	Vượt chỉ tiêu

3.6. Ngành Y tế

TT	Nội dung	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỷ lệ % theo KH	Ghi chú
1	Tiến sĩ và CK2	79	35	44,3%	01 TS, 34

²² Số liệu đào tạo từ nguồn Trường Đại học Đồng Tháp, Đại học Cần Thơ và Đại học An Giang.

	(BS và DS)				CK2
2	Thạc sĩ và CK1 (BS và DS)	155	300	193%	172 CK1, 28 Ths
3	Bác sĩ	140	483	345%	Bao gồm 355 chính qui ĐCSD
4	Dược sĩ	78	4	5,1%	
5	Cử nhân Y (Điều dưỡng, YTCC, HS...)	1.268	1.867	147%	1821 CĐ, 46 ĐH
6	Y sĩ - YHCT	60	38	63	
Cộng		1.780	2.727	153% ²³	

3.7. Ngành Thông tin và Truyền thông

TT	Phối hợp Đoàn Khối các cơ quan Tỉnh, Tỉnh Đoàn tổ chức phổ cập, hướng dẫn sử dụng internet, mạng xã hội cho hội viên các hội quán	Số lượng		Số người			Ghi chú
1		40		800			
2	Đào tạo, bồi dưỡng CB, CC, VC trong các cơ quan hành chính nhà nước nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin	2016	2017	2018	2019	2020	
		92	119	5.682	5.287	983	
3	Từ 2018-2020, tổ chức tập huấn nghiệp vụ truyền thanh cơ sở cho CB, CC, cộng tác viên truyền thanh cấp huyện, cấp xã với hơn 300 lượt người/năm						
4	Cuối năm 2020, CC, VC là chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước			Sau đại học	Đại học		
Cộng		123		2		121	

3.8. Ngành Văn hoá - Thể thao và Du lịch

Cấp	Đào tạo trình độ CC, VC			Ghi chú
Tỉnh	Công chức quản lý cấp sở	Đại học trở lên 100%	Sau đại học 100%	Đạt và vượt
	Công chức quản lý cấp phòng và tương đương	Đại học trở lên 100%	Sau đại học 17,5%	Đạt và vượt
	Viên chức quản lý nghiệp vụ chuyên môn	Đại học trở lên 77%	Sau đại học 7%	
Huyện	Công chức lãnh đạo/nghiệp vụ	Đại học 100%	Cao đẳng trở lên 91%	Đạt và vượt
Xã	100% công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			

²³ Tuy nhiên chỉ tiêu còn 01 số chỉ tiêu chưa đạt như Tiến sĩ - CK2, Dược sĩ và YS - YHCT; một số chỉ số ở mức thấp và cải thiện chậm như: Tỷ lệ cán bộ y tế/1 vạn dân: 43,08; Tỷ lệ Bác sĩ/1 vạn dân (công lập): 7,76; Tỷ lệ Dược sĩ đại học/1 vạn dân (công lập): 1,28.

Lĩnh vực	Đào tạo, bồi dưỡng	Ghi chú
Văn hoá	40 lớp chuyên môn, nghiệp vụ cho cơ sở hướng dẫn biên tập, dàn dựng chương trình nghệ thuật, múa cơ bản, dàn dựng múa, hát dân ca và hò Đồng Tháp	
Thể thao	50 lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ	
Du lịch	73 lớp kỹ năng, tập huấn kiến thức	

3.9. Đào tạo cán bộ, công chức hành chính và cán bộ, công chức cấp xã

TT	Nội dung	Chỉ tiêu tại Nghị quyết	Kết quả thực hiện	Ghi chú
1	Đào tạo chuyên môn	1.340	350 ²⁴	Không đạt
	Trình độ tiến sỹ	15	7	Không đạt
	Trình độ thạc sỹ	85	167	Vượt
	Trình độ đại học, cao đẳng	1.240	176	Không đạt
2	Đào tạo lý luận chính trị	4.280	3.049	Không đạt
	Cao cấp	700	599	Không đạt
	Trung cấp	3.580	2.450	Không đạt

²⁴ Theo báo cáo thống kê số lượng, chất lượng CB, CC năm 2020 cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ cao đẳng trở lên là 2.078 đạt tỷ lệ 99%; cấp xã có trình độ cao đẳng trở lên là 2.406 đạt tỷ lệ 82,7%.

Phụ lục
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA CÁC SỞ, UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Báo cáo số 308/BC-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND Tỉnh)

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

(1) Chế độ hỗ trợ kinh phí đào tạo cho những CC, VC học sau đại học nhất là cán bộ trẻ, không hạn chế số lượng, quy hoạch nhằm tạo điều kiện cho CC, VC phấn đấu, an tâm học tập và công tác sẵn sàng phục vụ lâu dài cho Tỉnh nhà; từ đó có nguồn cán bộ ưu tú, thuận lợi cho công tác bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm sau này, đồng thời sớm phát huy được năng lực, sở trường; (2) Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng và giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức chuyên sâu, kết hợp với phương pháp giảng dạy tích cực; tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí từ các đề án, dự án để tỉnh tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho CB, CC, VC các cấp ở trong nước và nước ngoài; (3) Xem xét, bổ sung kinh phí để thực hiện hỗ trợ các khoản vay đối với lao động nông thôn làm việc ổn định ở nông thôn sau khi học nghề, cũng như được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia về việc làm để tự tạo việc làm.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Bổ trí ngân sách theo hướng nâng dần tỷ trọng đầu tư hàng năm cho dạy nghề trên trong tổng chi ngân sách cho giáo dục đào tạo, tập trung đầu tư cho những cơ sở dạy nghề trọng điểm, biên giới, khu vực ngoại thành, ưu tiên phát triển chương trình, giáo trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(1) Tăng số lượng phân bổ cho các đơn vị nhất là công tác đào tạo lý luận chính trị nhằm hoàn thiện tiêu chuẩn theo quy định; (2) Xem xét, bổ sung kinh phí để thực hiện hỗ trợ các khoản vay đối với lao động làm việc ổn định ở nông thôn sau khi học nghề, cũng như được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm để tự tạo việc làm.

4. Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch

Quan tâm nhiều hơn nữa trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ công chức, viên chức làm việc trong Ngành; có chính sách đãi ngộ để thu hút nhân tài, đầu tư, nuôi dưỡng nguồn nhân lực (sinh viên tỉnh nhà) sau khi học tập ở những địa phương khác sẽ về phục vụ cho tỉnh nhà.

5. Sở Y tế

Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy hàng năm tổ chức riêng lớp Trung cấp lý luận chính trị cho công chức, viên chức Ngành Y tế (khoảng 70 học viên/01 lớp).

6. Sở Nội vụ kiến nghị Bộ Nội vụ

(1) Sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các văn

bản hướng dẫn có liên quan; (2) Sớm ban hành chương trình, tài liệu và văn bản hướng dẫn bồi dưỡng đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, sau khi các địa phương hoàn thành Đề án bầu cử đại biểu HĐND dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 có thể triển khai thực hiện nhanh chóng, kịp thời; (3) Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng và giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức chuyên sâu, kết hợp với phương pháp giảng dạy tích cực; tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí từ các đề án, dự án để Tỉnh tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp ở trong nước và nước ngoài.

7. UBND huyện Cao Lãnh

Đề nghị Sở Nội vụ xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền tăng kinh phí hỗ trợ cho học viên công tác cấp xã được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; chương trình đào tạo, bồi dưỡng cần ngắn gọn, sát thực tiễn địa phương.

8. UBND huyện Hồng Ngự

Tiếp tục quan tâm đầu tư cho chương trình đào tạo nghề để nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cần bổ sung thêm vốn ngân sách của Tỉnh để tăng cường trang thiết bị dạy nghề tạo điều kiện cho Trung tâm GDNN huyện mở rộng quy mô và phát triển hình thức, ngành nghề đào tạo.

9. UBND huyện Thanh Bình

Tiếp tục thực hiện theo chính sách hiện hành (Quyết định 1956/QĐ-TTg); điều chỉnh nâng mức hỗ trợ theo từng thời điểm thích hợp và hỗ trợ cho tất cả học viên tham gia học nghề nhằm khuyến khích người học thực hiện từ nguồn kinh phí Trung ương, Tỉnh và đóng góp của doanh nghiệp.

10. UBND thành phố Cao Lãnh

(1) Tiếp tục lãnh đạo thực hiện Nghị quyết quy hoạch về phát triển nhân lực Tỉnh giai đoạn tiếp theo; (2) Có chế độ, chính sách và khuyến khích đội ngũ CB, CC, VC, người lao động tự học tập để nâng cao kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ; (3) Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá và nâng cao chất lượng ngành giáo dục.